

DẠY TỪ ĐỒNG ÂM CHO SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG

Hồ Thị Kim Ánh

Khoa Ngữ văn và Khoa học xã hội

Email: anhhkt@dhhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 21/10/2021

Ngày PB đánh giá: 10/11/2021

Ngày duyệt đăng: 12/11/2021

TÓM TẮT: Yêu cầu chuẩn đầu ra trình độ bậc 4 (B2) theo khung chương trình 6 bậc tiếng Việt cho sinh viên Lào đang áp dụng ở trường Đại học Hải Phòng là phải sử dụng được những từ ngữ, những cấu trúc câu khó, phức tạp để viết thư, viết các bài luận theo chủ đề. Bài báo đề xuất một hướng dạy sinh viên nước ngoài nói chung, sinh viên Lào nói riêng nhận diện, phân biệt từ đồng âm tiếng Việt.

Từ khóa: dạy từ đồng âm, nhận diện từ đồng âm, phân biệt từ đồng âm, từ đồng âm.

TEACHING HOMONYMS TO FOREIGN STUDENTS AT HAI PHONG UNIVERSITY

ABSTRACT: For Laos students at Haiphong University, the level of B2 in the six-level Vietnamese Language Proficiency Scale is required as their Vietnamese outcome standard. This article proposes a teaching approach to help foreign students, including Laos ones, recognize and distinguish Vietnamese homophones.

Keywords: homonyms, homonym recognition, homonym discrimination, homonym teaching

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiếng Việt là ngôn ngữ không biến đổi hình thái từ và hình vị trong tiếng Việt thường trùng với âm tiết. Việc thu thập, sắp xếp, xử lý các từ đồng âm trong từ điển bị chi phối bởi hai đặc điểm trên của tiếng Việt. Từ đồng âm là những đơn vị có chung biểu vật nhưng thuộc về những từ loại khác nhau, không có sự phân biệt về hình thái học nhưng có những đặc trưng cú pháp khác nhau, có những quan hệ mới trong những trường hợp khác nhau (khi làm chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ), bởi vậy chúng là hai từ riêng biệt và chỉ có thể phân biệt với nhau nhờ các ý nghĩa của chúng.

2. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU

Lịch sử vấn đề nghiên cứu về từ đồng âm với tư cách là một phạm trù từ vựng trong tiếng Việt từ trước đến nay đã có rất nhiều, chẳng hạn một số công trình sau: Đỗ Hữu Châu (1986), *Các bình diện của từ và từ tiếng Việt*, Nxb KHXH, Hà Nội; Đỗ Hữu Châu (2004), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội; Đỗ Hữu Châu (1979), *Cách xử lý các hiện tượng trung gian trong ngôn ngữ*, Ngôn ngữ, số 1; Đỗ Hữu Châu (1982), *Ngữ nghĩa học hệ thống và ngữ nghĩa học hoạt động*, Ngôn ngữ, số 1; Trương Văn Chỉnh (1997), *Giải thích các từ gần âm, gần nghĩa dễ nhầm lẫn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội; Nguyễn Thiện Giáp (1999), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Giáo

dục, Hà Nội. Nhưng vấn đề dạy từ đồng âm cho sinh viên nước ngoài tại trường Đại học Hải Phòng hiện nay chưa có công trình nào đề cập đến.

Khung chương trình 6 bậc chuẩn đầu ra tiếng Việt, ở trình độ B2 đang áp dụng ở trường Đại học Hải Phòng yêu cầu sinh viên Lào phải biết sử dụng những từ ngữ, những cấu trúc câu khó, phức tạp. Từ đồng âm là một trong những phạm trù từ vựng như thế. Dạy sinh viên nước ngoài nhận diện, phân biệt từ đồng âm tiếng Việt theo hướng căn cứ vào hai đặc điểm ngữ pháp và ý nghĩa của chúng đem lại hiệu quả rõ rệt. Bởi lẽ, trong thực tế giảng dạy tiếng Việt cho sinh viên Lào, chúng tôi đã đi theo hướng này và bước đầu, sinh viên có thể nhận diện và phân biệt được từ đồng âm tiếng Việt.

3. NỘI DUNG

3.1. Nhận diện từ đồng âm

Nhìn chung, trong tiếng Việt, đồng âm từ với từ là hiện tượng phổ biến nhất. Vì thế, từ trước đến nay, người Việt vẫn quen với khái niệm từ đồng âm. Tác giả Đỗ Hữu Châu quan niệm về hiện tượng này như sau: “Đồng âm là hiện tượng xảy ra khi hai từ ngữ khác nhau hoàn toàn về ý nghĩa nhưng vô âm thanh của chúng hoàn toàn giống nhau.” [3, tr 184]

Khái niệm từ đồng âm là căn cứ để nhận diện từ đồng âm. Dựa vào khái niệm, phân tích đặc điểm ngữ pháp (từ loại) và ý nghĩa của các từ có vô âm thanh giống nhau, nếu chúng mang những đặc điểm từ loại và ý nghĩa khác nhau thì chúng là những từ đồng âm.

(1) **Can** này để đựng rượu.

(2) Người mẹ **can** hai đứa trẻ đang cãi nhau.

(3) Con vua thì lại làm vua,
Con sãi ở chùa lại quét lá đa.

Bao giờ dân nổi **can** qua,

Con vua thất thế lại ra quét chùa. (Ca dao)

Từ **can** trong các câu trên được coi là từ đồng âm vì chúng là những từ có âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau.

Can trong (1) là danh từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ sự vật), có nghĩa: đồ dùng làm bằng nhựa, đựng nước hay các chất lỏng khác.

Can trong (2) là động từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ hoạt động), có nghĩa: hoạt động ngăn chặn, khuyên ngăn không nên làm gì đó.

Can trong bài ca dao ở (3) là danh từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ sự vật), có nghĩa: cái gây gổ.

Ba từ **can** trong (1), (2), (3) thuộc những từ loại danh từ, động từ, biểu thị ba nghĩa hoàn toàn khác biệt nhau, giữa ba nghĩa này không hề có mối liên hệ nào, do vậy chúng là các từ đồng âm.

Tương tự, từ **chat** cũng thuộc hai từ loại và có hai nghĩa khác nhau trong các câu:

(4) Chuối **chát**, hồng cũng **chát**.

(5) Suốt ngày, Tân ngồi **chát** trên máy vi tính.

Chát trong (4) là tính từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ tính chất), có nghĩa: có vị như vị của chuối xanh.

Chát trong (5) là động từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ hoạt động), có nghĩa: nói chuyện bằng cách gõ chữ trên bàn phím máy tính.

Vậy **chát** trong (4), (5) là hai vô ngữ âm của hai từ khác nhau. Chúng cũng là hai từ đồng âm.

Các câu sau đây sử dụng từ đồng âm:

(6) Ông Tâm đang ngồi **câu** cá.

(7) Đoạn văn có 5 **câu**.

Câu trong (6) là động từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ hoạt động), có nghĩa: dùng dụng cụ là cái cần câu để bắt cá.

Câu trong (7) là danh từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ sự vật), có nghĩa: thuật ngữ tiếng Việt, chỉ đơn vị ngôn ngữ lớn hơn từ, có chức năng thông báo.

Hai từ **câu** trong (6) và (7) có hình thức ngữ âm giống nhau nhưng lại biểu thị hai nghĩa khác biệt nhau, các nghĩa này không có mối liên hệ với nhau. Vì thế, các từ **câu** trong (6) và (7) là hai từ đồng âm.

Nhận diện từ đồng âm: hai (hay nhiều từ) có âm thanh giống nhau nhưng thuộc các từ loại và biểu thị những nghĩa khác nhau là các từ đồng âm.

3.2. Phân biệt từ đồng âm

Khái niệm từ đồng âm cũng là căn cứ để phân biệt các từ đồng âm với nhau. Nói khác đi, hai tiêu chuẩn để phân biệt các từ đồng âm là ý nghĩa và đặc điểm ngữ pháp của chúng.

Trong tiếng Việt, hiện tượng đồng âm xuất hiện phổ biến ở các từ một âm tiết (tiếng/hình vị). Từ đồng âm tiếng Việt bao gồm các loại sau:

3.2.1. Từ đồng âm dựa trên mối quan hệ ngữ nghĩa

a. Từ đồng âm ngẫu nhiên

Từ đồng âm ngẫu nhiên là hai hay nhiều từ có hình thức ngữ âm ngẫu nhiên giống nhau.

Ví dụ: các từ **bay**, **bò** sau đây là những từ đồng âm ngẫu nhiên:

(8) Đàn quạ trên những cây **phượng** **chợt bay** vù lên.

(9) Người thợ lặn **bay** để trát xi măng vào tường.

(10) Nước hoa đã **bay** mùi.

Bay trong (8) là động từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ hoạt động), có nghĩa: di chuyển ở trên không.

Bay ở (9) là danh từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ sự vật), có nghĩa: dụng cụ của thợ nề, gồm một miếng thép mỏng, hình lá, lắp vào cán, dùng để xây, trát.

Bay ở (10) là động từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ hoạt động), có nghĩa: phai mất, biến mất.

Các từ **bay** trong (8), (9), (10) đồng âm ngẫu nhiên với nhau.

(11) **Còn bò** đang nhai cỏ.

(12) **Rắn bò** vào hang.

Bò trong (11) là danh từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ sự vật), có nghĩa: động vật nhai lại, chân hai móng, sừng rỗng và dài, lông thường màu vàng, nuôi để lấy sức kéo, ăn thịt hay lấy sữa.

Bò trong (12), là động từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ hoạt động), có nghĩa: hoạt động di chuyển thân thể của động vật ở tư thế bụng áp xuống, bằng cử động của toàn thân hoặc của những chân ngắn.

Hai từ **bò** đồng âm ngẫu nhiên với nhau.

Những từ đồng âm ngẫu nhiên chiếm đa số trong các từ đồng âm tiếng Việt. Đây là loại từ đồng âm điển hình, tiêu biểu nhất.

b. Từ đồng âm có căn cứ, có cơ sở

Từ đồng âm có căn cứ, có cơ sở là những từ đồng âm do tách rời nghĩa của một từ nhiều nghĩa mà ra. Một nghĩa nào đó của từ nhiều nghĩa, nếu như ta không xác lập được mối quan hệ giữa nó với các nghĩa khác thì ta coi đó là từ đồng âm.

Ví dụ: các từ **cắm**, **đi** sau đây là những

từ đồng âm có căn cứ, có cơ sở:

(13) *Chị Lan **cắm** hoa vào lọ.*

(14) *Đơn vị **cắm** lại một tổ trình sát.*

(15) *Nó **cắm** xe máy để lấy tiền.*

Từ *cắm* ở tất cả các câu trên đồng âm với nhau.

Cắm ở (13) là động từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ hoạt động), có nghĩa: làm cho một vật, thường là dài hoặc có đầu nhọn mắc vào và đứng được trên một vật khác.

Cắm ở (14) là động từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ hoạt động), có nghĩa: để cho bám chắc hoặc tự bám chắc một nơi nào đó mà hoạt động.

Cắm trong (15) là động từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ hoạt động), có nghĩa: gửi (đồ vật) lại làm tin để vay tiền hoặc mua chịu thường trong thời gian ngắn.

Từ *cắm* trong (13), (14), (15) vốn là 1 từ (đều mang đặc điểm ngữ pháp chỉ hoạt động) có nhiều ý nghĩa khác nhau. Nhưng vì các ý nghĩa đã được tách rời nhau, giữa các nghĩa này không có quan hệ với nhau nữa nên từ *cắm* trong (13), (14), (15) là các từ đồng âm có căn cứ, có cơ sở.

(16) *Con voi đi **chậm**.*

(17) *Ông cụ đã đi hôm qua.*

(18) *Trời rất lạnh, cô Liên phải đi **găng** tay.*

(19) *Màu trắng đi với màu đen rất **đẹp**.*

Đi trong (16) là động từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ hoạt động), có nghĩa: người/động vật di chuyển bằng những động tác liên tiếp của chân, lúc nào cũng vừa có chân tựa trên mặt đất vừa có chân giơ lên đặt tới chỗ khác.

Đi ở (17) là động từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ hoạt động), có nghĩa: không còn sống nữa (chết).

Đi ở (18) là động từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ hoạt động), có nghĩa: mang vào tay (chân) để che giữ.

Đi trong (19) là động từ (có đặc điểm ngữ pháp chỉ hoạt động), có nghĩa: trạng thái phù hợp với nhau của hai sự vật.

Có thể nói, từ đồng âm là hiện tượng tới giới hạn của từ nhiều nghĩa. Thực chất là chuyển nghĩa nhưng do sự liên tưởng quá xa, người ta không thể khôi phục được mối liên hệ đến các nghĩa nữa nên những từ nhiều nghĩa loại này được coi là từ đồng âm.

3.2.2. Từ đồng âm dựa trên đặc điểm ngữ pháp

a. Từ đồng âm từ vựng

Từ đồng âm từ vựng là những từ đồng âm thuộc cùng một từ loại với nhau.

(20) *Bánh ga tô có nhiều đường **lắm**.*

(21) *Con đường này thật rộng!*

Hai từ *đường* trong (20), (21) đều là danh từ và cũng là hai từ đồng âm từ vựng.

Đường trong (20) có nghĩa: chất kết tinh vị ngọt, thường chế từ mía hoặc củ cải đường.

Đường trong (21) có nghĩa: lối đi nhất định được tạo ra để nối liền hai địa điểm, hai nơi.

b. Từ đồng âm từ vựng - ngữ pháp

Từ đồng âm từ vựng - ngữ pháp là những từ đồng âm khác nhau về từ loại.

Ví dụ:

(22) *Bác Khánh vác **cuốc** ra đồng.*

(23) *Ông Sâm đã **cuốc** xong thửa ruộng.*

Cuốc trong (22) mang đặc điểm ngữ pháp của từ loại danh từ, có nghĩa: nông cụ gồm một lưỡi sắt, tra thẳng vào cán dài, dùng để bới, xới đất.

Cuốc trong (23) mang đặc điểm ngữ pháp của từ loại động từ, có nghĩa: bổ, xới đất bằng cuốc.

Hai từ *cuốc* khác nhau về từ loại nhưng có hình thức âm thanh giống nhau được gọi là hai từ đồng âm từ vựng - ngữ pháp.

3.2.3. Từ đồng âm dựa trên cấp độ

a. Từ đồng âm với từ

Là các từ đồng âm cùng ở cấp độ từ.

Ví dụ:

(24) *Con đường đang được rải đá.*

(25) *Sinh viên đang đá bóng ở sân trường.*

Từ đá trong (24) là danh từ, có nghĩa: chất rắn cấu tạo nên vỏ Trái đất, thường thành từng tảng, từng hòn.

Từ đá trong (25) là động từ, có nghĩa: đưa nhanh chân và hất mạnh nhằm làm cho ra xa hoặc bị tổn thương.

b. Từ đồng âm với tiếng (âm tiết/hình vị)

Là kiểu đồng âm khác nhau về cấp độ, một từ đồng âm với một tiếng (một yếu tố cấu tạo từ).

Ví dụ:

(26) *Nhà ông ấy đang có **khách**.*

(27) *Liên cười khanh **khách**.*

Âm thanh *khách* trong hai câu giống nhau.

Khách trong (26) là từ, có nghĩa: người từ nơi khác đến với tính cách xã giao, trong quan hệ với người đón tiếp.

Khách trong (27) là tiếng, đơn vị cấu tạo nên từ láy *khanh khách*, có nghĩa: gọi tả âm thanh của tiếng cười to và giòn, phát ra liên tiếp, với vẻ khoái trí, thích thú.

c. Từ đồng âm với từ của tiếng nước ngoài qua phiên dịch

Đây là hiện tượng một từ có nguồn gốc nước ngoài khi phiên dịch vào tiếng Việt có âm thanh giống với một từ tiếng Việt.

Ví dụ:

(28) *Cầu thủ **sút** bóng.*

(29) *Tú học ngày càng **sút**.*

(30) *Mẹ **cắt** chiếc bánh.*

(31) *Nhanh như **cắt**.*

Sút trong (28) là động từ, được phiên âm từ từ (to) *shoot* trong tiếng Anh, có nghĩa: đá mạnh quả bóng vào khung thành. Từ *sút* trong (28) ngẫu nhiên đồng âm với từ *sút* trong (29), cũng là động từ, có nghĩa: giảm đi, kém hơn so với trước.

Cắt trong (30) là động từ, được phiên âm từ từ (to) *cut* trong tiếng Anh, có nghĩa: làm đứt bằng vật sắc. Từ *cắt* trong (30) ngẫu nhiên đồng âm với từ *cắt* trong (31), là danh từ, có nghĩa: loài chim ăn thịt, nhỏ hơn điều hâu, cánh dài, nhọn, bay rất nhanh.

3.2.4. Từ đồng âm và từ nhiều nghĩa

Cả từ đồng âm và từ nhiều nghĩa có đều có chung một hình thức ngữ âm. Trong cùng một hình thức ngữ âm vừa có thể là hiện tượng đồng âm, vừa có thể là hiện tượng nhiều nghĩa. Nhưng từ đồng âm là những từ khác nhau, còn từ nhiều nghĩa là một từ có nhiều ý nghĩa khác nhau.

3.2.4.1. Sự giống nhau giữa từ đồng âm và từ nhiều nghĩa

Từ đồng âm và từ nhiều nghĩa có sự giống nhau về hình thức ngữ âm, văn tự.

Ví dụ:

(32) *Mẹ **sai** tôi pha trà mời khách.*

(33) *Vườn cam **sai** quả.*

(34) *Nó đã nói **sai** sự thật.*

(35) *Bắc ăn cơm với cá.*

(36) *Người Việt Nam ăn Tết theo âm lịch.*

(37) *1 đô la ăn 23.000 đồng.*

Sai trong (32) là động từ, có nghĩa: bảo người dưới làm việc gì đó cho mình.

Sai trong (33) là tính từ, có nghĩa: cây có nhiều quả sót vào nhau.

Sai trong (34) là tính từ, có nghĩa: không phù hợp với cái có thật mà có khác đi.

Ăn trong (35) là động từ, có nghĩa: tự cho vào cơ thể thức ăn nuôi sống.

Ăn trong (36) là động từ, có nghĩa: ăn uống nhân dịp gì.

Ăn trong (37) là động từ, có nghĩa: có thể đối ngang giá (tiền).

Trong các câu (32), (33), (34), từ *sai* là từ đồng âm vì từ *sai* là ba từ khác nhau, có những đặc điểm ngữ pháp và ý nghĩa khác nhau, các ý nghĩa của từ *sai* không có quan hệ với nhau.

Trong các câu (35), (36), (37), từ *ăn* là từ nhiều nghĩa vì từ *ăn* là một từ, có những đặc điểm ngữ pháp giống nhau, các ý nghĩa của từ *ăn* có mối quan hệ với nhau, nghĩa trong (36), (37) được biến chuyển từ nghĩa trong (35) của từ *ăn*.

Như vậy, cùng có hình thức ngữ âm giống nhau nhưng từ *sai* là từ đồng âm, từ *ăn* lại là từ nhiều nghĩa.

3.2.4.2. Sự khác nhau giữa từ đồng âm và từ nhiều nghĩa

Từ đồng âm và từ nhiều nghĩa là hai phạm trù từ vựng khác nhau về ý nghĩa và về cơ chế cấu tạo.

Từ đồng âm là hai từ khác nhau nên nghĩa của chúng cũng hoàn toàn khác nhau. Còn từ nhiều nghĩa là một từ (một vỏ âm thanh) có nhiều ý nghĩa khác nhau và giữa các nghĩa của từ nhiều nghĩa có một mối dây liên hệ với nhau.

Từ đồng âm hình thành do nhiều cơ chế: Do trùng hợp ngẫu nhiên; Do chuyển nghĩa quá xa mà thành; Do từ vay mượn trùng với từ sẵn có. Còn từ nhiều nghĩa được hình thành theo cơ chế chuyển nghĩa ẩn dụ hoặc hoán dụ.

Như vậy, từ nhiều nghĩa có điểm khác cơ bản so với từ đồng âm là: Từ đồng âm là nhiều từ nhưng nghĩa của các từ trong văn cảnh đều là nghĩa gốc (còn gọi là nghĩa chính hay nghĩa đen); Từ nhiều nghĩa thì chỉ là một từ có nghĩa gốc còn các nghĩa khác là nghĩa chuyển từ nghĩa gốc.

4. KẾT LUẬN

Thực tế cho thấy, dạy từ đồng âm cho sinh viên nước ngoài theo trình tự nhận diện và phân biệt đơn vị đồng âm theo hướng căn cứ vào hai đặc điểm ngữ pháp và ý nghĩa của chúng, sinh viên dễ dàng dựa vào hai đặc điểm đó để lĩnh hội kiến thức về từ đồng âm. Từ đó, các em mở rộng được vốn từ và vận dụng vốn từ đó vào việc viết các bài luận theo chủ đề.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (1998), *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Đỗ Hữu Châu (2004), *Giáo trình Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb ĐHSB, Hà Nội.
4. Nguyễn Thiện Giáp (1999), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Hoàng Phê (chủ biên) (2001), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
6. Vân Anh (sưu tầm) (2020), *Tục ngữ - Ca dao Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.